

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ MOZII GLOBAL**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ MOZII GLOBAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MOZII GLOBAL INVESTMENT GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MOZII GLOBAL GROUP., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110859605

**3. Ngày thành lập:** 10/10/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 6, ngách 1/62/48, ngõ 1 phố Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989282545

Fax:

Email: Hungsy@mozii.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa<br>(không bao gồm hoạt động đấu giá)       | 4610     |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(trừ mặt hàng Nhà nước cấm)                | 4620     |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                       | 4631     |
| 4.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào                                                                                | 4634     |
| 5.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                   | 4632     |
| 6.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                     | 4633     |
| 7.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                 | 4641     |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                   | 4649     |
| 9.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                  | 4651     |
| 10. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                   | 4652     |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                               | 4653     |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                      | 4659     |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                              | 4663     |
| 14. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                    | 4669     |
| 15. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                    | 4690     |
| 16. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711     |
| 17. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                   | 4719     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                       | 4721        |
| 19. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4722        |
| 20. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723        |
| 21. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741        |
| 22. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742        |
| 23. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751        |
| 24. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 25. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753        |
| 26. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 27. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761        |
| 28. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4762        |
| 29. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                              | 4763        |
| 30. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4764        |
| 31. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771        |
| 32. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4773        |
| 33. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                 | 4791(Chính) |
| 34. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                               | 4799        |
| 35. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933        |
| 36. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210        |
| 37. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610        |
| 38. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                | 5621        |
| 39. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                    | 5629        |
| 40. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                 | 5630        |
| 41. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                       | 5820        |
| 42. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                   | 6201        |
| 43. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                     | 6202        |
| 44. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                         | 6209        |
| 45. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                      | 6311        |

|     |                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 46. | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                            | 6312 |
| 47. | Quảng cáo<br>(trừ mặt hàng Nhà nước cấm)                                             | 7310 |
| 48. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                             | 7320 |
| 49. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư | 6619 |

6. Vốn điều lệ: 680.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 68.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông              | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                 | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ<br>THANH TRÚC | Tổ dân phố Kiên<br>Thành, Thị trấn<br>Trâu Quỳ, Huyện<br>Gia Lâm, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 680.000       | 6.800.000.000            | 1,000        | 0601860000<br>84                                                                                                       |            |
|     |                          |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                    | Tổng số                            | 680.000       | 6.800.000.000            | 1,000        |                                                                                                                        |            |

|   |              |                                                                                     |                           |            |                 |        |              |
|---|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------|--------|--------------|
| 2 | TRẦN ĐẮC ĐẠT | Tổ dân phố Kiên Thành, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 66.640.000 | 666.400.000.000 | 98,000 | 035074000078 |
|   |              |                                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                     | Tổng số                   | 66.640.000 | 666.400.000.000 | 98,000 |              |
|   |              |                                                                                     |                           |            |                 |        |              |
| 3 | VŨ TUẤN ANH  | Khu Vân Tiến 2, Xã Vân Du, Huyện Đoan Hùng, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0               | 0,000  | 025093012811 |
|   |              |                                                                                     | Cổ phần phổ thông         | 680.000    | 6.800.000.000   | 1,000  |              |
|   |              |                                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                     | Tổng số                   | 680.000    | 6.800.000.000   | 1,000  |              |
|   |              |                                                                                     |                           |            |                 |        |              |

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

\* Họ và tên: **TRẦN ĐẮC ĐẠT**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *10/08/1974*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *035074000078*

Ngày cấp: *29/07/2022*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ dân phố Kiên Thành, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ dân phố Kiên Thành, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội